TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-PT
Ngày: 23-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Hồng Ánh

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (tên viết tắt là S1); địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường V, quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chi nhánh: Số D đường Q, phường N, thành phố Q (nay là phường C), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N - Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh H - Giám đốc chi nhánh Q; địa chỉ: Số D đường Q, phường N, thành phố Q (nay là

phường C), tỉnh Quảng Ngãi (*theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2025*).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh H: Ông Nguyễn Vũ T - Phó Giám đốc chi nhánh Q và bà Thái Thị L - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ; cùng địa chỉ: Số D đường Q, phường N, thành phố Q (nay là phường C), tỉnh Quảng Ngãi (*theo văn bản ủy quyền số 199/2025/GUQ-CNQNI và số 200/2025/GUQ-CNQNI cùng ngày 05/5/2025*).

- *Bị đơn*: Ông Võ Thanh V - sinh năm 1958 và bà Lê Thị H1 - sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị H1: Ông Võ Thanh V - sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Thanh V: Ông Nguyễn Tài D; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Chị Trần Thị H2 - sinh năm 1990;

2/ Cháu Võ Long T1 - sinh ngày 14/9/2012;

3/ Cháu Võ Thị Bé B - sinh ngày 15/9/2015;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Võ Long T1 và cháu Võ Thị B1 Ba: Chị Trần Thị H2 - sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Khu V Bình Thạnh C, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

4/ Anh Võ Văn T2 - sinh năm 1998;

5/ Anh Võ Thanh T3 - sinh năm 1991;

6/ Anh Võ C - sinh năm 1979;

7/ Chị Nguyễn Thị T4 - sinh năm 1990;

8/ Cháu Võ Duy T5 - sinh ngày 13/4/2007;

9/ Cháu Võ Xuân N1 - sinh ngày 06/4/2012;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Võ Xuân N1: Anh Võ C - sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị T4 - sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Người kháng cáo:*** Ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 là bị đơn.

(Bà L, ông V, anh C và ông D có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2021; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Thái Thị L trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là S1) với ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 ký hợp đồng tín dụng số 202126144462 ngày 30/6/2021 với số tiền vay là 1.300.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng, ngày vay 05/7/2021 – ngày đáo hạn 05/7/2022; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh - mua bán thủy hải sản; phương thức vay: Lãi trả hàng tháng và gốc trả cuối kỳ. Ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 đã nhận tiền vay theo giấy nhận nợ số LD2118600507 ngày 05/7/2021.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 đã thế chấp cho S1 tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 10, thôn T, xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/2011 cho ông Võ Thanh V (viết tắt là thửa 359) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381 ngày 29/3/2017; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-01 ngày 27/06/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-02 ngày 14/01/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-03 ngày 21/06/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-04 ngày 26/06/2020; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-05 ngày 30/06/2021 và cam kết thế chấp ngày 21/06/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, S1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 phải thanh toán cho S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/12/2024 là 1.942.556.941 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 129.993.367 đồng, nợ lãi quá hạn: 512.563.574 đồng và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/12/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ. Nếu ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì S1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa 359. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà

không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S1 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Thái Thị L trình bày thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện như sau: Khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc xác định thửa 359 có diện tích 1.098m^2 và trên đất có 03 ngôi nhà, chưa có sở hữu nhà; trong đó có 01 ngôi nhà do vợ chồng ông V, bà H1 quản lý, sử dụng và 02 ngôi nhà do hai người con của ông V, bà H3 quản lý, sử dụng. Nên trường hợp ông V, bà H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì S1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.098m^2 tại thôn T, xã N, thành phố Q, (nay là thôn A) tỉnh Quảng Ngãi. Khi xử lý tài sản thế chấp, hoàn trả giá trị tài sản trên phần đất do hai người con ông V, bà H1 quản lý, sử dụng theo giá trị tại thời điểm thi hành án. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S1 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

** Bị đơn ông Võ Thanh V trình bày:*

Ông thừa nhận ông và vợ ông là bà Lê Thị H1 có vay của S1 số tiền 1.300.000.000 đồng. S1 yêu cầu vợ chồng ông phải trả tiền gốc và tiền lãi thì hiện nay vợ chồng ông làm ăn thua lỗ nên không có tiền để trả cho S1. Ông xin S1 khoanh nợ cho vợ chồng ông.

Về tài sản đảm bảo ông trình bày như sau: Thửa 359 có diện tích 1.230,6m^2. Qua đo đạc thực tế có diện tích 1.098,7m^2, giảm hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông trừ một phần diện tích đất để làm đường đi vào phía sau, nên ông thống nhất với kết quả đo đạc. Hình thể thửa đất thời điểm vợ chồng ông thế chấp cho S1 đúng với hình thể đo đạc thực tế của Công ty Cổ phần Đ thực hiện ngày 08/4/2022.

Nguồn gốc thửa 359 là của vợ chồng ông tạo lập và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 20/12/2011. Năm 1975, vợ chồng ông xây dựng ngôi nhà; đến năm 2010, vợ chồng ông tiếp tục cơi nới, sửa chữa căn nhà có ký hiệu g trong sơ đồ địa chính thửa đất như hiện nay. Năm 2013, vì các con ông đã có gia đình, ở chung sẽ chật, nên vợ chồng ông quyết định cho hai con trai là anh Võ C và anh Võ Minh T6 một phần diện tích đất thuộc thửa 359 để xây dựng nhà. Cũng trong năm 2013, vợ chồng anh Võ C xây dựng nhà ở; đến năm 2014 thì vợ chồng anh Võ Minh T6 xây dựng nhà ở.

Năm 2017, vợ chồng ông đã vay tiền của S1, để đảm bảo khoản vay thì vợ chồng ông chỉ thế chấp một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa 359. Lý do vợ chồng ông chỉ thế chấp một phần diện tích đất là vì thời điểm vay tiền năm 2017 trên thửa 359 có 03 ngôi nhà: Ngôi nhà đầu tiên là của vợ chồng ông; ngôi nhà thứ hai là của vợ chồng anh Võ C và ngôi nhà thứ ba là của vợ chồng anh Võ Minh T6. Khi S1 đến nhà ông để kiểm tra hiện trạng thửa đất thì vợ chồng ông chỉ phần đất thế chấp có diện tích khoảng 300m^2 từ đường bê tông đến ranh giới ngôi nhà anh Võ Cu . Ông đã nói với phía nếu không đồng ý thì chờ ông tách thửa, nhưng phía Ngân hàng đồng ý, nên khi ký hợp đồng thế chấp không yêu cầu các con của ông có nhà trên đất phải ký vào.

Nay S1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ gốc và nợ lãi, như trình bày nêu trên ông yêu cầu S1 khoanh nợ vì khi cho vay, vợ chồng ông không đủ điều kiện, bản thân ông là người khuyết tật nhưng S1 vẫn cho vợ chồng ông vay.

Về tài sản thế chấp: Vợ chồng ông chỉ thế chấp một phần diện tích đất phía trước, từ đường bê tông đến ranh giới ngôi nhà của vợ chồng anh Võ C, có diện tích khoảng 300m^2, nên đồng ý xử lý tài sản là phần diện tích và tài sản gắn liền với phần diện tích đất này. Còn phần đất phía sau vợ chồng ông đã cho con, mặc dù chưa được tách thửa nhưng các con ông đã xây dựng nhà trước khi vợ chồng ông vay tiền và thế chấp. S1 cho vay và thực hiện việc thế chấp không đúng thì phải chịu, nên ông yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp vì vi phạm quyền quản lý, sử dụng của những người con của ông.

** Bị đơn bà Lê Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh, chị Nguyễn Thị T4, Võ C, Võ Văn T2, Võ Thanh T3 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị H2 trình bày*: Chồng chị là anh Võ Minh T6. Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Võ Long T1 và cháu Võ Thị Bé B. Chị là con dâu của ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1. Nguồn gốc thửa 359 là của ông V và bà H1. Năm 2016, chị và anh T6 kết hôn; ông V và bà H1 đã cho vợ chồng chị một phần diện tích đất thuộc thửa 359 để làm nhà ở riêng; việc cho chỉ bằng lời nói, không có giấy tờ. Năm 2017, anh T6 chết, chị tiếp tục ở tại ngôi nhà này đến năm 2019 thì về L sinh sống cho đến nay. Phần đất vợ chồng ông V, bà H1 cho vợ chồng chị chưa tách thửa. Nay, S1 khởi kiện thì chị không có ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Thanh V có ý kiến như sau*:

Ông Võ Thanh V xác định vợ chồng ông V có vay của S1 số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng (theo hợp đồng tín dụng số 202126144462 ngày 30/6/2021 và giấy nhận nợ số LD 2118680507 ngày 05/7/2021), tuy nhiên từ năm 2021 đến nay vì gia đình ông V kinh tế khó khăn và bản thân ông là người khuyết tật nặng, đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng nên không có khả năng trả nợ cho S1, ông V đề nghị S1 xem xét khoanh nợ cho ông V.

Đối với yêu cầu của S1 về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa 359 trong trường hợp không thu hồi được nợ thì ông Võ Thanh V đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn và đề nghị Toà án tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381 ngày 29/3/2017 vô hiệu vì: Khi vợ chồng ông V ký vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381 ngày 29/3/2017 thì vợ chồng ông V xác định chỉ thế chấp một phần diện tích thửa 359 là phần đất có ngôi nhà cấp IV của vợ chồng ông V. Vợ chồng ông V không thế chấp các phần diện tích đất còn lại của thửa 359 vì phần đất còn lại vợ chồng ông đã phân chia cho các con vào ngày 06/8/2013. Từ năm 2013 đến năm 2017, vợ chồng ông V chưa làm được thủ tục tách thửa đối với những phần đất đã cho các con của mình vì lý do không đủ điều kiện tách thửa theo quy định của Nhà nước. Đồng thời tại thời điểm các bên xác lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381 ngày 29/3/2017 thì trên đất có 01 căn nhà cấp IV của anh Võ C, chị Nguyễn Thị T4 và 01 căn nhà cấp IV của anh Võ Minh T6 (chết năm 2017), chị Trần Thị H2 nhưng phía Ngân hàng không làm việc với họ, điều này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác đang cùng sử dụng thửa 359.

Với những lý do nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa 359 trong trường hợp ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 không trả nợ cho Ngân hàng và tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381 ngày 29/3/2017 giữa Ngân hàng và ông Võ Thanh V, bà Lê Thị H1 vô hiệu.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông V theo quy định của pháp luật (trong trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn).

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bản án số 113/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2025/QĐ-SCBSBA ngày 03 tháng 01 năm 2025;*

Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 03/2025/QĐ-SCBSBA ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi *(nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) đã tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 09/12/2024 là 1.942.556.941 đồng, trong đó nợ gốc 1.300.000.000 đồng, lãi trong hạn 129.993.367 đồng, lãi quá hạn 512.563.574 đồng. Tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 202126144462 ký ngày 30/6/2021 kể từ ngày 10/12/2024 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Trong trường hợp ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.098m^2 tại xã N, thành phố Q, (nay là xã A) tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381 ngày 29/3/2017; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-01 ngày 27/06/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-02 ngày 14/01/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-03 ngày 21/06/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-04 ngày 26/06/2020; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-05 ngày 30/06/2021 và cam kết thế chấp ngày 21/06/2019 để thu nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Khi xử lý tài sản thế chấp, hoàn trả cho ông Võ C và bà Nguyễn Thị T4 giá trị tài sản trên phần đất có ký hiệu từ số 3-7-24-26 trong sơ đồ địa chính thửa đất; chị Trần Thị H2 và người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Võ Minh T6 gồm chị Trần Thị H2, ông Võ Thanh V, bà Lê Thị H1, cháu Võ Long T1, Võ Thị Bé N2 (người đại diện theo pháp luật của cháu T1, cháu N2 là chị Trần Thị H2) tài sản gắn liền với phần diện tích có ký hiệu từ 1-3-26-28 theo giá tại thời điểm thanh toán.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Vào các ngày 10/01 và 18/6/2025, ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 đã có Đơn kháng cáo, Đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 17/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) vì vi phạm về tố tụng cũng như về nội dung trong việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 17/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi).

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 17/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi). Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 17/12/2024, Tòa án nhân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) xét xử vụ án. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, ngày 03/01/2024 bản án được tống đạt cho ông V và ngày 06/01/2024 bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ngày 10/01 và 18/6/2025, ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 có Đơn kháng cáo, Đơn kháng cáo bổ sung là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Chị Trần Thị H2, anh Võ Văn T2, anh Võ Thanh T3, chị Nguyễn Thị T4, cháu Võ Duy T5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Anh Võ Minh T6, chết năm 2017. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 thì trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng. Ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 là cha mẹ đẻ của anh T6 nên ông V, bà H1 là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh T6. Tuy nhiên, ông V, bà H1 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn và anh T6 không phải là người tham gia tố tụng trong vụ án. Như vậy, bản án sơ thẩm xác định ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 vừa là bị đơn vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác. Do đó, bản án phúc thẩm không xác định ông V, bà H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3.2] Ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 kháng cáo cho rằng: Ngày 11/12/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) đưa vụ án ra xét xử trong khi ông V đang nhập viện, cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q với căn bệnh tăng huyết áp, viêm phế quản cấp, nhồi máu não và bà H1 là người chăm sóc ông trong lúc nằm viện, nên việc vắng mặt của ông bà tại phiên tòa xét xử là thuộc trường hợp có lý do bất khả kháng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án là không đảm bảo quyền lợi cho ông bà. Các con của ông bà là các anh Võ Văn T2, Võ Thanh T3, Võ C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập để làm việc và tham gia phiên họp. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông V có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm hủy Hợp đồng thế chấp tài sản vì cho rằng có vi phạm quyền quản lý, sử dụng đất của những người con của ông, nhưng không được thụ lý giải quyết, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

[3.3] Xét kháng cáo nêu trên của ông V, bà H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.3.1] Tại Giấy ra viện đề ngày 19/11/2024 của Trung tâm y tế thành phố Q có thể hiện ông Võ Thanh V vào viện lúc 07 giờ 12 phút ngày 15/11/2024, ra viện lúc 16 giờ 30 ngày 19/11/2024. Chẩn đoán chóng mặt do nguyên nhân ngoại biên khác, viêm xoang hàm mãn tính, ù tai, migraine, bệnh trào ngược dạ dày-thực quản, thiếu acid ascorbic, rối loạn chức năng gan trong bệnh phân loại

nơi khác, thiếu máu do thiếu sắt/suy nhược cơ thể. Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì ngày 21/10/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 34/TB-TA (viết tắt là Thông báo 34), (bút lục 341). Ngày 29/10/2024, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết Thông báo 34 cho các đương sự là ông V, bà H1, anh T2, anh T3, anh C, chị T4 tại nhà ông Võ Thanh V, trụ sở UBND xã N (nay là xã A) và Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi), (bút lục 337-339) là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 15/11/2024, ông V nhập viện tại Trung tâm y tế thành phố Q nhưng không thông báo hoặc làm văn bản gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa bị đơn và tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2024/QĐST-DS (viết tắt là Quyết định 272). Ngày 25/11/2024, Tòa án tiến hành tống đạt Quyết định số 272 cho ông Võ Thanh V và niêm yết Quyết định 272 tại nhà ông V, tại trụ sở UBND xã N và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi).

Theo Giấy ra viện đề ngày 16/12/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Q thể hiện ông Võ Thanh V vào viện lúc 08 giờ 44 phút ngày 10/12/2024, ra viện lúc 08 giờ 00 phút ngày 16/12/2024. Chẩn đoán viêm phế quản cấp, bệnh tăng huyết áp vô căn. Ngày 11/12/2024, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa, tuy nhiên ông V, bà H1 cũng không thông báo cho Tòa án biết và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Thanh V có mặt cũng không biết lý do ông V, bà H1 vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Bộ luật dân sự năm 2015, *sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*. Do đó, trường hợp vắng mặt của ông V, bà H1 tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc ông V, bà H1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử vắng mặt ông tại phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[3.3.2] Đối với người tham gia tố tụng là anh Võ Văn T2, anh Võ Thanh T3 và anh Võ C đã được Tòa án cấp sơ thẩm bổ sung vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Thông báo số 73/TB-TA ngày 10/8/2023. Tuy nhiên anh T2, anh T3 và anh C không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử sơ thẩm vào các ngày 30/7,

28/8, 20/9, 15/11 và 17/12/2024, mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ, tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án không triệu tập các anh Võ Văn T2, Võ Thanh T3, Võ C tham gia phiên họp, phiên tòa là không có cơ sở.

[3.2.2] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp của ông V, S1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến hợp đồng thế chấp; mặt khác bị đơn không có đơn khởi kiện yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý đối với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn là S1 và bị đơn là ông Võ Thanh V, bà Lê Thị H1 đều thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 202126144462 ngày 30/6/2021, nguyên đơn cho bị đơn vay với số tiền là 1.300.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng, ngày vay 05/7/2021 – ngày đáo hạn 05/7/2022; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh - mua bán thủy hải sản; phương thức vay trả lãi trả hàng tháng và gốc trả cuối kỳ; ông V, bà H1 đã nhận đủ số tiền vay theo giấy nhận nợ số LD2118600507 ngày 05/7/2021. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S1 buộc ông V và bà H1 có trách nhiệm trả nợ cho S1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/12/2024 là 1.942.556.941 đồng (trong đó nợ gốc: 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 129.993.367 đồng, nợ lãi quá hạn: 512.563.574 đồng) và trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 10/12/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ là có căn cứ.

[4.2] Đối với hợp đồng thế chấp:

[4.2.1] Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202126144462 ngày 30/6/2021 thì ông V và bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 10, thôn T, xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/2011 cho ông Võ Thanh V (viết tắt là thửa 359) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381 ngày 29/3/2017; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-01 ngày 27/06/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-02 ngày

14/01/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-03 ngày 21/06/2019; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-04 ngày 26/06/2020; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1708300381-05 ngày 30/06/2021 và cam kết thế chấp ngày 21/06/2019. Hợp đồng thế chấp; các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và cam kết thế chấp này đều có chữ ký của ông V, bà H1, được công chứng tại văn phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

[4.2.2] Thửa 359 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Thanh V vào ngày 20/12/2011, nhưng ông V và các đương sự đều thừa nhận thửa 359 có nguồn gốc do ông V, bà H1 tạo lập.

Bị đơn ông V, bà H1 cho rằng vào năm 2013, bị đơn đã cho anh Võ C và năm 2016 cho anh Võ Minh T6 một phần diện tích đất thuộc thửa 359 để các anh xây dựng nhà ở, do đó, thửa 359 có 03 ngôi nhà, cụ thể: Ngôi nhà thứ nhất có diện tích xây dựng là 109,5m^2 hiện đang do vợ chồng bị đơn quản lý, sử dụng; ngôi nhà thứ hai có diện tích xây dựng 58,4m^2 hiện do anh Võ C, chị Nguyễn Thị T4 quản lý, sử dụng; ngôi nhà thứ ba có diện tích xây dựng là 56,1m^2 do vợ chồng anh Võ Minh T6 (đã chết), chị Trần Thị H2 xây dựng; khi đảm bảo khoản vay, bị đơn chỉ thế chấp một phần diện tích khoảng 300m^2 đất phía trước từ mặt đường bê tông đến ranh giới ngôi nhà của anh C, chị T4 xây dựng và tài sản gắn liền trên phần diện tích này của thửa 359. Tuy nhiên, theo Cam kết thế chấp đề ngày 26/6/2020 của ông V và bà H1, được Văn phòng C1 chứng thực thì thể hiện: Ông V, bà H1 đã đồng ý tự nguyên ký cam kết thế chấp toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.230,6m^2 thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 10, xã N và 03 ngôi nhà cấp IV xây dựng trên đất; khi xử lý tài sản thế chấp, S1 hoặc cơ quan có thẩm quyền có toàn quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 359 và tài sản gắn liền với thửa 359 thì đồng ý thanh toán giá trị tài sản cho anh Võ C và những người thừa kế của anh Võ Minh T6 tại thời điểm thi hành án nên bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên cũng không có kháng cáo.

[4.2.3] Kèm theo đơn kháng cáo, bị đơn cung cấp các Giấy cho đất để làm nhà ở cho các con cùng đề ngày 06/8/2013 thể hiện cho anh Võ C diện tích 216m^2, anh Võ Thiên T7 diện tích 168m^2, anh Võ Minh T6 diện tích 168m^2 và anh Võ Văn T2 diện tích 216m^2. Tuy nhiên các giấy cho đất này đều không

được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và chưa được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Thanh V là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 14 và 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn là ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2025/QĐ-SCBSBA ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 03/2025/QĐ-SCBSBA ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thanh V và bà Lê Thị H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực I;
- Phòng THADS khu vực I;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa